TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày: 31 - 01 - 2018.
V/v *" Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thiên Lộc– Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2017/TLST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2017/QĐST-KDTM ngày 08/9/2017; Thông báo hoãn phiên tòa số 02/2017/TB-TA ngày 28/9/2017; Thông báo mở lại phiên tòa số: 01/2018/TB-TA ngày 11/01/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng B.**

Trụ sở chính: 35 HV, Quận H, TP.H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông P – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh P.

Địa chỉ chi nhánh: 2457 đường Đ, TT.M, huyện T, tỉnh B.

Ông Hồng ủy quyền lại cho: Ông T, sinh năm: 1983 – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng B- chi nhánh P. (có mặt).

* Bị đơn: **Công ty V.**

Trụ sở: tổ 6, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông H – Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt).

HKTT: Thôn H xã M, huyện Y, tỉnh G.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1/- **Ông K**, sinh năm: 1960. (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện L, tỉnh B.

2/- **Ông Đ,** sinh năm: 1966. (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: C4C5 đường Đ, phường T, Tp.B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông T trình bày:

Vào ngày 22/5/2015 Ngân hàng B- Chi nhánh P có ký 02 Hợp đồng tín dụng với Công ty V do ông H là người đại diện theo pháp luật, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/7133508/HĐTD ngày 22/5/2015, số tiền vay là 3.300.000.000đ (ba tỷ ba trăm triệu đồng), Mục đích vay để sửa chữa phòng khám, mua máy móc thiết bị khám chữa bệnh và bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay là 60 tháng; Lãi suất 10%/năm (được thay đổi 06 tháng một lần); Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay;

+ Hợp đồng tín dụng số: 02/2015/7133508/HĐTD ngày 22/5/2015, số tiền vay là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), Mục đích vay để sửa chữa phòng khám, mua máy móc thiết bị khám chữa bệnh và bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay là 11 tháng; Lãi suất 8.9%/năm (được thay đổi 06 tháng một lần); Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay;

Để đảm bảo cho 02 hợp đồng vay nêu trên, Công ty V đã thế chấp cho Ngân hàng B tài sản gồm:

+ Toàn bộ QSD đất diện tích 291,6m^2 cùng tài sản gắn liền với đất là: 01 căn nhà cấp 2, có 03 tầng, diện tích xây dựng là 282,6m^2, diện tích sàn là 559,5m^2 thuộc thửa đất số 26674.103.51 tờ bản đồ số 103 xã P, huyện L được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AE 452698 ngày 02/7/2007 cho bà L1, bà L1 chuyển nhượng cho ông K ngày 06/5/2015.

+ Toàn bộ QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liến với đất diện tích 431m^2 thửa số 26 tờ bản đồ số 103 xã P, huyện L, được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liến với đất số BC 456807 ngày 21/6/2010 cho ông N và bà P, ông N bà P chuyển nhượng cho ông K ngày 06/5/2015.

Từ sau khi vay tiền đến nay, Công ty V chưa trả tiền gốc cho Ngân hàng B lần nào, chỉ trả được 27.574.063đ tiền lãi của Hợp đồng số 01 và 2.966.667đ của hợp đồng số 02 cùng vào ngày 22/5/2015. Ngoài ra Công ty V không trả lãi được lần nào nữa, Công ty đã vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết, các khoản vay hiện nay đều đã quá hạn trả nợ. Do đó Ngân hàng B yêu cầu Công ty V trả hết số tiền vay, lãi suất vay cùng lãi suất nợ quá hạn cho Ngân hàng B tạm tính từ ngày 22/5/2015 đến ngày 30/01/2018 như sau:

+ Số tiền vay gốc của 02 hợp đồng là: 3.700.000.000đ (ba tỷ, bảy trăm triệu đồng);

+ Lãi vay trong hạn của hợp đồng số 01 là: 930.898.333đồng;

+ Lãi vay trong hạn của hợp đồng số 02 là: 98.731.112đồng;

+ Lãi quá hạn của hợp đồng số 01 là: 55.069.667đồng;

+ Lãi quá hạn của hợp đồng số 02 là: 33.052.778đồng.

Tổng cộng là: 4.817.751.890đồng (bốn tỷ, tám trăm mười bảy triệu, bảy trăm năm mươi mốt ngàn, tám trăm chín mươi đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc việc trả nợ, nhưng Công ty V không thanh toán nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng từ ngày 22/5/2015 cho đến nay. Do vậy, Ngân hàng B yêu cầu Công ty V phải thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/01/2018 là 4.817.751.890đồng (bốn tỷ, tám trăm mười bảy triệu, bảy trăm năm mươi mốt ngàn, tám trăm chín mươi đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong. Đồng thời phải hoàn trả toàn bộ các khoản phí liên quan đến việc tố tụng (gồm cả thi hành án) cho Ngân hàng B.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty V không trả được các khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự phát mãi các tài sản thế chấp nêu trên để xử lý thu hồi nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K trình bày:

Ông K, ông Đ và ông H cùng trong Hội đồng quản trị của Công ty V, ông H là giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vào ngày 10/5/2015 Hội đồng thành viên của Công ty V (gồm ông H, ông Đ và ông K) có họp để thống nhất vay tiền của Ngân hàng B. Số tiền vay là 3.700.000.000đ (ba tỷ bảy trăm triệu đồng), mục đích vay là sửa chữa phòng khám, mua máy móc thiết bị khám chữa bệnh và bổ sung vốn lưu động. Thời gian vay tiền; số tiền vay; lãi suất vay, số tiền lãi đã trả được và số tiền còn nợ ông K thống nhất như lời trình bày của đại diện Ngân hàng B.

Khi vay, Công ty V có thế chấp cho Ngân hàng B QSD đất cùng tài sản gắn liền với đất là: 01 căn nhà cấp 2, có 03 tầng, diện tích xây dựng là 282,6m^2, diện tích sàn là 559,5m^2 được cấp sổ số AE 452698 ngày 02/7/2007 cấp cho bà L1, bà L1 chuyển nhượng cho ông K ngày 06/5/2015 và 01 QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liến với đất số BC 456807 ngày 21/6/2010 cấp cho ông N và bà P, ông N và bà P chuyển nhượng cho ông K ngày 06/5/2015.

Từ khi vay đến nay, Công ty V trả nợ gốc cho Ngân hàng B lần nào, còn nợ lãi chỉ trả được một lần vào ngày 22/5/2015 của Hợp đồng số 01 là 27.574.063đ và tiền lãi của hợp đồng số 02 là 2.966.667đ.

Công ty V hiện nay đã đóng cửa không còn hoạt động, nên không có nguồn thu và không có tiền để trả nợ cho Ngân hàng B.

Đối với việc xử lý tài sản thế chấp là QSD đất nêu trên thì ông K đồng ý để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ trong quá trình làm việc tại Tòa án trình bày:

Ông Đ, ông K và ông H nằm trong Hội đồng quản trị của Công ty V. Về quá trình vay tiền của Ngân hàng B- Chi nhánh M, số tiền vay, thời gian vay, lãi suất, mục đích vay, số tiền lãi đã trả được ông Đ thống nhất như Ngân hàng B đã trình bày. Từ khi vay đến nay, do Công ty V làm ăn thua lỗ, không còn hoạt động nữa nên không có tiền để trả nợ cho Ngân hàng.

Về tài sản thế chấp QSD cùng tài sản gắn liền với đất là: 01 căn nhà cấp 2, có 03 tầng, diện tích xây dựng là 282,6m^2, diện tích sàn là 559,5m^2 được cấp sổ số AE 452698 ngày 02/7/2007 cho bà L1, bà L1 chuyển nhượng cho ông K ngày 06/5/2015 và 01 QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 456807 ngày 21/6/2010 cấp cho ông N và bà P, ông N và bà P chuyển nhượng cho ông K ngày 06/5/2015. Ông Đ đồng ý để Tòa án giải quyết tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn là Công ty V do ông H đứng đại diện làm giám đốc trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, nhưng ông H hiện nay không còn ở Công ty V. Theo như biên bản xác minh ngày 06/6/2017 thì hiện nay Công ty V đã đóng cửa không còn hoạt động; Kết quả xác minh tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B được biết, hiện nay Công ty V chưa làm thủ tục giải thể; Ngày 29/6/2017 Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã có văn bản ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh G để xác minh đối với ông H là giám đốc của Công ty V thì được biết ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H xã M, huyện Y, tỉnh G, nhưng hiện nay không có mặt ở địa phương. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các thủ tục tố tụng đối với Công ty V tại trụ sở Công ty, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, huyện L và Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu về quá trình giải quyết vụ án, xác định việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX và nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng không chấp hành. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty V hiện nay đóng cửa không còn hoạt động, ông H là giám đốc công ty và cũng là bị đơn trong vụ án không còn làm việc tại Công ty và cũng không sinh sống tại nơi đăng ký thường trú, khi bỏ đi khỏi địa phương ông H không thông báo cho các cổ đông còn lại của công ty và cũng không thông báo cho Ngân hàng B biết về nơi cư trú, làm việc mới nên được xem là cố tình giấu địa chỉ, nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung vụ án: Xét hợp đồng tín dụng số 01/2015/7133508/HĐTD ngày 22/5/2015 được ký kết giữa Ngân hàng B và Công ty V, theo đó Ngân hàng cho Công

ty V vay số tiền 3.300.000.000đ, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay trong hạn là 10%/năm(được thay đổi 06 tháng một lần), lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay để mua máy móc thiết bị sửa chữa phòng khám, thời hạn vay là 60 tháng và hợp đồng tín dụng số 02/2015/7133508/HĐTD ngày 22/5/2015, số tiền vay là 400.000.000đ, mục đích vay để sửa chữa phòng khám, mua máy móc thiết bị khám chữa bệnh và bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất 8.9%/năm (được thay đổi 06 tháng một lần), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Đối với hợp đồng số 02 đã hết thời hạn trả nợ gốc và lãi, nhưng Công ty V không trả nợ cho Ngân hàng nên đã vi phạm cam kết trong hợp đồng tín dụng. Còn đối với hợp đồng số 01 tuy chưa đến hạn thanh toán nợ gốc, nhưng do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi theo định kỳ nên đã vi phạm khoản 6 Điều 8 của hợp đồng tín dụng, Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước thời hạn theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn kể từ ngày 22/5/2017 là có căn cứ theo Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và các điều khoản trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

[3] Xét thấy, Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty V có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 30/01/2018 cho Ngân hàng B chi nhánh P là:

+ Số tiền vay gốc của 02 hợp đồng là: 3.700.000.000đ (ba tỷ, bảy trăm triệu đồng);

+ Lãi vay trong hạn của hợp đồng số 01 là: 930.898.333đồng;

+ Lãi vay trong hạn của hợp đồng số 02 là: 98.731.112đồng;

+ Lãi quá hạn của hợp đồng số 01 là: 55.069.667đồng;

+ Lãi quá hạn của hợp đồng số 02 là: 33.052.778đồng.

Tổng cộng là: 4.817.751.890đồng (bốn tỷ, tám trăm mười bảy triệu, bảy trăm năm mươi mốt ngàn, tám trăm chín mươi đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD và 02/2015/HĐTD ngày 22/5/2015 kể từ ngày 31/01/2018 đến ngày trả hết nợ.

[4] Xét về tài sản thế chấp thì thấy: Khi vay để bảo đảm cho khoản tiền vay, bên vay đã thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ diện tích đất 291,6m^2 cùng tài sản gắn liền với đất là: 01 căn nhà cấp 2, có 03 tầng, diện tích xây dựng là 282,6m^2, diện tích sàn là 559,5m^2 thuộc thửa đất số 26674.103.51 tờ bản đồ số 103 xã P, huyện L, được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AE 452698 cho bà L1 vào ngày 02/7/2007, bà L1 chuyển nhượng cho ông K ngày 06/5/2015 và toàn bộ diện tích 431m^2 và tài sản gắn liền với đất thửa số 26 tờ bản đồ số 103 xã P, huyện L, được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liến với đất số BC 456807 cho ông N và bà P vào ngày 21/6/2010, ông ông N bà P chuyển nhượng cho ông K ngày 06/5/2015, đã được đăng ký thế chấp ngày 25/5/2015 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L (nay là chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L) và toàn bộ tài sản có trên đất. Như vậy việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất là hợp pháp nên có giá trị bảo đảm thi hành.

Nếu Công ty V không trả được nợ thì Ngân hàng B được quyền yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất cũng như tài sản gắn liền với đất nêu trên để thu hồi nợ là phù hợp với các điều 342, 343, 355, 715, 720, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty V phải chịu số tiền 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng), do Ngân hàng B- Chi nhánh P đã tạm ứng nên Công ty V phải hoàn trả cho Ngân hàng B số tiền này.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 342, 343, 355, 471, 474, 715, 716, 720, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B- chi nhánh P đối với Công ty V về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1. Buộc Công ty V phải trả cho Ngân hàng B- chi nhánh P tổng số tiền nợ tính đến ngày 30/01/2018 là: 4.817.751.890đ (bốn tỷ, tám trăm mười bảy triệu, bảy trăm năm mươi mốt ngàn, tám trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là: 3.700.000.000đ (ba tỷ, bảy trăm triệu đồng); Nợ lãi trong hạn là 1.029.629.445đ (một tỷ, không trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng); Nợ lãi quá hạn là 88.122.445đ (tám trăm tám mươi tám triệu, một trăm hai mươi hai ngàn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2015/7133508/HĐTD ngày 22/5/2015 và hợp đồng hợp đồng tín dụng số 02/2015/7133508/HĐTD ngày 22/5/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Nếu Công ty V không trả được nợ thì Ngân hàng B- chi nhánh P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ gồm:

+ Toàn bộ diện tích đất 291,6m^2 cùng tài sản gắn liền với đất là: 01 căn nhà cấp 2, có 03 tầng, diện tích xây dựng là 282,6m^2, diện tích sàn là 559,5m^2 thuộc thửa đất số 26674.103.51 tờ bản đồ số 103 xã P, huyện L, được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AE 452698 cho bà L1 vào ngày 02/7/2007, bà L1 chuyển nhượng cho ông K ngày 06/5/2015;

+ Toàn bộ diện tích đất 431m^2 và tài sản gắn liền với đất thửa số 26 tờ bản đồ số 103 xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSD

đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liến với đất số BC 456807 cho ông N và bà P vào ngày 21/6/2010, ông N bà P chuyển nhượng cho ông K ngày 06/5/2015.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty V phải chịu 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Ngân hàng B- Chi nhánh P đã tạm ứng, nên Công ty V phải trả cho Ngân hàng B- Chi nhánh P số tiền 500.000đ (năm trăm ngàn đồng).

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty V phải chịu 112.817.752đ (một trăm mười hai triệu, tám trăm mười bảy ngàn, bảy trăm năm mươi hai đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng B- chi nhánh P 56.215.740đ (năm mươi sáu triệu, hai trăm mười lăm ngàn, bảy trăm bốn mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004423 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (31/01/2018), các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm, đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND H.Long Điền;
- TAND tỉnh BR-VT (GĐ-KT);
- Chi cục THA DS H.Long Điền;
- Lưu hồ sơ; AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Dung